

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày 24-6-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phùng Đức Chính

**Các Thẩm phán:** Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Lộc Sơn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng T, địa chỉ: Số \*\*\*, đường N, phường \*, quận \*, thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc; vắng mặt.

**Người đại diện theo uỷ quyền:**

1. Ông Giáp Quang T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng T tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: Số \*\*, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản uỷ quyền ngày 25-12-2023); vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thu H – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro, Chi nhánh Ngân hàng T tỉnh Lạng Sơn (văn bản uỷ quyền ngày 20-6-2024); có mặt.

- **Các bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn H; vắng mặt.

2. Bà Nông Thị L; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số \*\*\*, đường B, khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Chiến T; vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Thế H; vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Văn H; vắng mặt.
4. Chị Dương Thị Thu T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số \*\*\*, đường B, khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bà Nông Thị L, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng T, chi nhánh Lạng Sơn và ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1636100\*\*\* ký ngày 26-12-2016 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng. Theo hợp đồng, số tiền vay là 400.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 120 tháng tính từ ngày giải ngân (ngày 03-01-2017), phương thức trả nợ là được trả thành nhiều kỳ, các kỳ trả nợ gốc thực hiện theo phụ lục Lịch trả nợ đính kèm hợp đồng và lãi trả vào ngày 20 hàng tháng. Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 51, diện tích 52,45m<sup>2</sup> tại khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số CD 097997, số vào sổ cấp GCN CS-02585 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-10-2016 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Quá trình trả nợ hàng tháng, bên vay trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng và các phụ lục kèm theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên từ tháng 6-2023, ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo quy định. Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án, sau đó ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L đã đến Ngân hàng làm cam kết sẽ trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó, tính đến ngày khởi kiện 23-10-2023 bên vay vẫn không thực hiện trả nợ tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh đúng như cam kết, dẫn đến khoản vay gốc còn lại đã chuyển sang nhóm nợ quá hạn, ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L đã vi phạm điểm a Điều 2 của Hợp đồng, quy định các điều khoản chung về cấp tín dụng.

Ngân hàng T khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc

còn lại tính đến ngày làm đơn khởi kiện 23-12-2023 là 143.282.000 đồng và các khoản tiền lãi trong hạn là 7.869.748 đồng; lãi quá hạn là 600.463 đồng; lãi phạt quá hạn là 291.792 đồng, tổng cộng tiền nợ là 152.044.003 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 24-12-2023 trên số tiền chưa trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản, theo Hợp đồng thế chấp số LD1636100\*\*\*/A lập ngày 26-12-2016 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung kèm theo hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-10-2016 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu các bị đơn phải thanh toán trả khoản nợ vay tín dụng tính đến ngày 06-3-2024 là 160.091.971 đồng; trong đó nợ gốc 143.282.000 đồng; tiền lãi trong hạn 13.401.751 đồng; lãi quá hạn 2.324.772 đồng; lãi phạt quá hạn 1.083.448 đồng; đồng thời còn phải trả tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 07-3-2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi như trên Ngân hàng đề nghị được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ.

*Các bị đơn bà Nông Thị L, ông Nguyễn Văn H trình bày:* Vợ chồng ông bà có ký kết với Ngân hàng T Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ngày 26-12-2016 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng kèm theo để vay 400.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân, đến ngày 03-01-2017 được ngân hàng giải ngân 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, tính từ ngày 03-01-2017; khi vay có thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là diện tích đất 52,45m<sup>2</sup> tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 51 địa chỉ tại số \*\*\* đường B, khối \*\*, phường T, thành phố L, đã được cấp GCNQSDĐ ngày 31-10-2016 mang tên Nguyễn Văn H và Nông Thị L. Quá trình vay nợ, vợ chồng ông bà trả gốc, tiền lãi đầy đủ đúng cam kết của hợp đồng; tuy nhiên trả hết tháng 5-2023 thì ông bà không còn khả năng trả nợ nữa, do hoàn cảnh kinh tế làm ăn khó khăn, vợ chồng ông bà hết tuổi lao động nên không trả được. Vợ chồng bà Nông Thị L, ông Nguyễn Văn H xác định đúng là còn nợ gốc 143.282.000 đồng như Ngân hàng yêu cầu khởi kiện; còn tiền lãi thì vợ chồng ông bà không biết vì do Ngân hàng tự tính toán. Nay Ngân hàng T khởi kiện, vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 143.282.000 đồng, trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc; còn tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt vợ chồng ông bà đề nghị Ngân hàng T xóa tiền lãi. Về tài sản là nhà, đất thế chấp đề nghị Ngân hàng không xử lý bán để thu hồi nợ, vì số tiền nợ gốc không còn nhiều so với trị giá nhà và đất đang thế chấp; hơn nữa hiện nhà đất này còn có các con của ông bà đang sinh sống cùng là anh Nguyễn Chiến T, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn H và chị Dương Thị Thu T (là vợ của anh H), quá trình xây nhà vào năm 2018, anh Nguyễn Chiến T

cho 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Thế H cho 100.000.000 đồng để xây dựng nhà.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chiến T, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn H, chị Dương Thị Thu T (là con trai, con dâu của các bị đơn) đều trình bày:* Bố mẹ của các anh, chị có vay tiền Ngân hàng T và hiện còn nợ tiền gốc như Ngân hàng khởi kiện là đúng, nay đề nghị không xử lý tài sản thế chấp là nhà, đất để thu hồi nợ, vì các anh, chị và con nhỏ đang sinh sống cùng bố, mẹ trên nhà đất này, hơn nữa khi ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L làm nhà, anh Nguyễn Chiến T, Nguyễn Thế H có đóng góp tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Về số tiền nợ như khởi kiện của Ngân hàng, các anh, chị sẽ thay ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L trả nợ dần hàng tháng cho ngân hàng đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21-12-2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Về đất có diện tích 52,45m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ Số \*\*\*, đường B, khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 31-10-2016 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L. Về tài sản trên đất có 01 nhà cấp III, 3 tầng xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 52,45m<sup>2</sup>; bà Nông Thị L xác định diện tích đất này cấp cho vợ chồng bà, chứ không phải cấp cho hộ gia đình, đất không có tranh chấp với ai; về nhà ở do vợ chồng bà xây dựng cuối năm 2018 hoàn thành năm 2019, trị giá xây dựng khoảng 1.100.000.000 đồng, trong đó các con hỗ trợ cho 300.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 06-3-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L phải có trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06-3-2024 là 160.091.971 đồng. Trong đó khoản tiền nợ gốc là 143.282.000 đồng; khoản tiền lãi trong hạn là 13.401.751 đồng; khoản tiền lãi quá hạn là 2.324.772 đồng; khoản tiền lãi phạt quá hạn là 1.083.448 đồng. Các bị đơn còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, theo hợp đồng thế chấp số LD 1636100\*\*\*/A ngày 26-12-2016 đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 51, có diện tích đất 52,45m<sup>2</sup>; địa chỉ tại số 235 đường Bến Bắc, khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 31-10-2016 mang tên ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Nông Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu được thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06-3-2024 là 160.091.971 đồng cho nguyên đơn bằng hình thức trả 3.000.000 đồng/tháng đến khi hết hạn hợp đồng (năm 2026). Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 138, tờ bản đồ số 51, diện tích 52,45m<sup>2</sup> tại khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cùng toàn bộ tài sản trên đất. Buộc nguyên đơn cùng chịu ½ án phí và chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nông Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị được trả nợ 3.000.000 đồng/tháng với lý do bản thân đã già, hiện đã hết tuổi lao động, gia đình không đủ điều kiện trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng trong một lần. Về xử lý tài sản bảo đảm là đất và công trình nhà trên đất, do hiện gia đình bà Nông Thị L có 09 nhân khẩu đang sinh sống tại nhà đất này và không còn nơi sinh sống nào khác, tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn khoản nợ phải trả và hợp đồng tín dụng cũng chưa hết thời hạn nên không đồng ý xử lý tài sản bảo đảm. Về án phí và chi phí tố tụng, đề nghị Tòa án xem xét, quyết định buộc nguyên đơn cùng chịu ½ án phí và chi phí tố tụng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Thị L. Do phía bị đơn vi phạm về thời gian trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ nợ trước khi hết hạn hợp đồng. Bà Nông Thị L nghị được trả nợ 3.000.000 đồng/tháng, nhưng theo lộ trình trả nợ này thì không đảm bảo thanh toán đủ khoản vay trước khi hết hạn hợp đồng vào năm 2026. Ngoài ra, trước khi khởi kiện vụ án này, Ngân hàng đã từng rút đơn khởi kiện sau khi phía bị đơn cam kết trả nợ đúng hạn, nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của bị đơn. Về việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xử lý tài sản, Ngân hàng chỉ thu đủ số nợ theo hợp đồng. Về án phí và chi phí tố tụng, đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận thì không phải chịu án phí và chi phí tố tụng. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; đương sự vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Ngày 26-12-2016, Ngân hàng T và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm

dần, số tiền vay 400.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn cấp hạn mức vay là 120 tháng, tính từ ngày giải ngân, lãi suất vay 06 tháng đầu 11,5%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi áp dụng theo lãi suất huy động. Ngày 29-4-2021, hai bên ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung về lãi suất. Để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông H, bà L ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 138 tờ bản đồ số 51 diện tích 52,45m<sup>2</sup>, địa chỉ tại số \*\*\*, đường B, khối \*\*, phường T, thành phố L đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L; sau khi ký hợp đồng thế chấp đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lạng Sơn. Các nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng trên đảm bảo các quy định tại Điều 292, 293, 317, 318, 319, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng, các bên không có tranh chấp về hợp đồng nên hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp có hiệu lực, phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên. Quá trình trả nợ hàng tháng bên vay trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng và các phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Đến tháng 6-2023 ông H, bà L không trả nợ gốc, tiền lãi, vi phạm điểm a Điều 2 của Hợp đồng tín dụng, quy định các điều khoản chung về cấp tín dụng. Ông H, bà L thừa nhận từ tháng 6-2023 do có khó khăn nên không trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thừa nhận đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 143.282.000đồng và các khoản lãi phát sinh. Mặc dù chưa đến hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả nợ là đúng quy định. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H, bà L phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt là có căn cứ. Trường hợp các bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bà Nông Thị L kháng cáo đề nghị mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết hạn hợp đồng năm 2026 nhưng Ngân hàng không chấp nhận phương thức trả nợ của bà L đưa ra và kháng cáo không chấp nhận về xử lý tài sản bảo đảm là không có căn cứ chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L yêu cầu mỗi bên chịu ½ án phí, chi phí tố tụng là không có căn cứ chấp nhận. Về án phí dân sự phúc thẩm, bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất nhưng đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L về yêu cầu được thanh toán nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng, không xử lý tài sản bảo đảm và buộc nguyên đơn cùng chịu ½ án phí, chi phí tố tụng, thấy rằng:

[3] Các bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L với Ngân hàng T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1636100\*\*\* ngày 26-12-2016 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực, các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã ký kết. Theo hợp đồng, thời hạn vay là 120 tháng, phương thức trả nợ là được trả thành nhiều kỳ, các kỳ trả nợ gốc thực hiện theo phụ lục Lịch trả nợ đính kèm hợp đồng và lãi trả vào ngày 20 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bị đơn đã vi phạm điểm a mục 2 của Các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng, cụ thể là vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi nên mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ đã bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết tại Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận về thời điểm các bị đơn không thực hiện trả nợ là từ tháng 6-2023. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền nợ gốc là 143.282.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.401.751 đồng, lãi quá hạn là 2.324.772 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.083.448 đồng; tổng số nợ gốc và lãi phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06-3-2024 là 160.091.971 đồng.

[4] Bị đơn bà Nông Thị L kháng cáo đề nghị được thanh toán số tiền 160.091.971 đồng cho nguyên đơn bằng hình thức trả 3.000.000 đồng/tháng đến khi hết hạn hợp đồng (năm 2026), với lý do bản thân đã hết tuổi lao động, gia đình không đủ khả năng để thanh toán khoản nợ trong một lần cho nguyên đơn. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn có quyền thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn là đúng theo quy định tại điểm a mục 2 của Các điều khoản chung kèm theo Hợp đồng tín dụng ngày 26-12-2016. Mặt khác, trước khi khởi kiện vụ án này, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 04-10-2023, Thông báo số 14/2023/TB-CNLS ngày 04-10-2023 về yêu cầu thanh toán nợ quá hạn, Thông báo số 160/2023/TB-CNLS ngày 13-10-2023 về thông báo khởi kiện thu hồi nợ quá hạn, nhưng từ tháng 6-2023 đến nay, các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ tháng 6-2023 nên hiện nay với lộ trình trả nợ 3.000.000 đồng/tháng sẽ không đảm bảo tất toán được khoản vay trước khi hết hạn hợp đồng, nguyên đơn cũng không chấp nhận phương thức trả nợ hàng tháng, do đó các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo quy định khi vi phạm hợp đồng tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Vì vậy, nội dung kháng cáo đề nghị được trả nợ 3.000.000 đồng/tháng của bà Nông Thị L không có căn cứ chấp nhận.

[5] Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 26-12-2016, các bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nông Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1636100\*\*\*/A ngày 26-12-2016 và các thoả thuận sửa đổi, bổ sung kèm theo hợp đồng. Theo nội dung đã ký kết với nguyên đơn, các bị đơn tự nguyện thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 138, tờ bản đồ số 51, diện tích 52,45m<sup>2</sup> tại khối \*\*, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cùng toàn bộ tài sản trên đất, theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-10-2016 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nông Thị L. Hợp đồng thế chấp được công chứng hợp lệ, tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lạng Sơn đúng quy định. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật. Do đó, trường hợp các bị đơn không thanh toán được tiền nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý xử lý tài sản bảo đảm.

[6] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp với chi phí tố tụng là 2.100.000 đồng. Theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo buộc nguyên đơn chịu ½ chi phí tố tụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Thị L yêu cầu nguyên đơn chịu ½ án phí sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy không có căn cứ nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L không được chấp nhận nên bà Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Nông Thị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 0000168 ngày 19-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 06-3-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Nông Thị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000168 ngày 19-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phùng Đức Chính**